

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 và ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 4, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh D; Có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ 4, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh D; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T và ông P chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh D ngày 31/12/2014. Quá trình sống chung giữa bà T và ông P xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông P thường xuyên ghen tuông và đánh bà T nhiều lần. Năm 2016, bà T có nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông P nhưng đã rút đơn và cho ông P cơ hội để thay đổi và ông P cam kết không đánh đập bà T nữa. Tuy nhiên, ông P không chịu thay đổi tính tình. Hiện nay, vợ chồng hiện không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Lê Đại T, sinh năm 1993 và Lê Đại T, sinh năm 1996. Do các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn P trình bày:

Ông P thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, kết hôn, và có hai người con chung là Lê Đại T1, sinh năm 1993 và Lê Đại T2, sinh năm 1996. Trong thời gian chung sống vợ chồng yêu thương quan tâm chăm sóc nhau. Ông P làm công chức còn bà T thì ở nhà buôn bán giải khát, cuộc sống hạnh phúc. Từ năm 2017, bà T chuyển ra sinh sống tại quán cà phê giải khát của gia đình cách nhà 01 km để thuận tiện buôn bán, ông P cho rằng thời gian gần đây bà T phát sinh tình cảm với một người làm việc ở xưởng đối diện, nhiều lần qua lại với nhau. Tuy nhiên, ông P cho rằng đây chỉ là tình cảm nhất thời nên ông P đã bỏ qua cho bà T nhưng bà T vẫn không chịu thay đổi và cương quyết ly hôn với ông P. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông P không đồng ý do ông P vẫn còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Lê Đại T1, sinh năm 1993 và Lê Đại T2, sinh năm 1996. Do các con chung đã trưởng thành nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P thống nhất với bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự chấp hành đúng các quy định theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn P và hiện nay, bà T với ông P đang cư trú tại tổ 4, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn P tự nguyện tìm hiểu nhau, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh D ngày 31/12/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà T trình bày trong quá trình chung sống bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông P thường xuyên ghen tuông và đánh đập bà T, có khi gây thương tích, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn sống chung. Ông P thống nhất với bà T là giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bà T có quan hệ với người đàn ông khác và không chịu thay đổi nhưng ông P vẫn chấp nhận tha thứ và mong bà T quay về chung sống cùng xây dựng gia đình. Bà T cho rằng không còn tình cảm với ông P và mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng ông P không đồng ý.

[4] Qua lời khai, trình bày phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng. Ông P không muốn ly hôn với bà T nhưng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm và bà T cũng không muốn hàn gắn tình cảm, cương quyết xin được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét chứng cứ là tờ cam kết ngày 12/12/2019 do ông P đưa ra với những nội dung lại mang tính xúc phạm lẫn nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng thêm, kéo dài gây ảnh hưởng rất lớn về tinh thần cho đôi bên, HĐXX nhận thấy khó lòng mà hàn gắn tình cảm lại được.

Bà T và ông P không tìm được tiếng nói chung, xét mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Lê Đại T1, sinh năm 1993 và Lê Đại T2, sinh năm 1996. Do các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Lê Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Lê Văn P.
2. Về con chung: Các con chung Lê Đại T1, sinh năm 1993 và Lê Đại T2, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030810 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

